

# VĂN CÚ KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

## QUYỂN 2

(Phần Hạ)

Giải thích:

“**Quán Thế Âm**” theo Quán tâm: Tam trí gọi là “Quán”, Tam đế gọi là “Thế”, tam quán là bản ngữ cho nên gọi là “Âm”.

“**Đắc Đại Thế Chí Bồ-tát**”: Kinh Tư Ích nói: Ta để chân xuống làm chấn động ba ngàn đại thiên thế giới và cung điện ma, cho nên gọi là “Đại Thế Chí”. Kinh Bi Hoa nói: Nguyên thế giới của ta như của Quán Thế Âm không khác. Kinh Bảo Tạng, Phật nói: Do ông nguyên giữ đại thiên thế giới, nên nay tên ông là Đại Thế Chí. Quán tâm giải thích: Tam chỉ là chân, đặt xuống đất tam đế làm chấn động mười pháp giới, tất cả nơi kiến ái bám trụ thấy đều nghiêng ngửa chuyển động...

“**Bất Hưu Tức Bồ-tát**”: Kinh Tư Ích nói: Hằng hà sa kiếp làm một ngày đêm, ba mươi ngày làm một tháng, mười hai tháng làm một năm, trải qua trăm ngàn vạn ức kiếp được gặp một đức Phật, như vậy gặp Hằng hà sa Đức Phật, hành các phạm hạnh tu tập công đức, rồi sau mới được thọ ký, tâm không dừng nghỉ cho nên gọi “Bất Hưu Tức”. Quán tâm: quán Không chẳng trụ nơi Không, xuất Giả chẳng trụ Giả, nhập Trung chẳng trụ Trung, song chiếu nhị đế gọi là “Bất Hưu Tức”.

“**Bảo Chưởng Bồ-tát**”: kinh Phổ Siêu nói: Mặc áo giáp thượng đức cho đến Đức Phật cũng không thể cản trở hủy bại khiến bỏ Đại thừa, nếu có người như còn trong mộng không có chí ý theo nhị thừa, thường đem tâm chân thật tâm thông tuệ vì họ diễn giảng, đối với trần bảo tâm không tham tiếc, cho nên gọi là “Bảo Chưởng”. Quán tâm: Bất tư nghi tam đế gọi là “Bảo”, nhất tâm tam quán gọi là “Chưởng”, dùng quán chưởng đây để giữ lấy Bảo đế này, tự lợi lợi tha cho nên gọi là “Bảo Chưởng”.

“**Dược vương**”: Kinh Bi Hoa nói: Nguyên trong hiện kiếp một ngàn bốn trăm Đức Phật ban đầu thành đạo ta đều cúng dường, chư Phật nhập diệt ta đều xây tháp, thời kiếp tận chúng sinh khổ não ta đều

cứu hộ, chúng sinh bị nạn đao binh bệnh tật dịch ta làm Đại y vương, rồi sau làm Phật. Kinh Bảo Tạng, Phật nói: Nay ông tên là Hỏa Tịnh Được vương, về sau làm Phật tức Lô Chí Như Lai. Quán tâm giải thích v.v...

Tiếp tục dưới giải thích bảy vị Bồ-tát.

**“Bạt-đà-bà-la”**, Trung Hoa dịch là Thiện Thủ, cũng gọi là Hiền Thủ. Kinh Tư Tư Ích nói: Nếu chúng sinh nghe danh hiệu này thì nhất định sẽ đắc Tam-bồ-đề, cho nên gọi là “Thiện Thủ”. Quán giải thích: Trung đạo chánh quán là thượng thủ trong các điều thiện, cho nên nói “Thiện Thủ”.

**“Di lạc”**, Trung Hoa dịch là Từ Thị. Kinh Tư Ích nói: Nếu chúng sinh thấy được ngài liền đắc Từ tâm Tam-muội, nên gọi là Từ Thị. Kinh Hiền Ngu nói: Quốc vương thấy tượng sư điều phục tượng (voi) liền sinh Từ tâm, do đó mà đặt tên “Từ Thị”. Kinh Bi Hoa nói: Phát nguyện ở trong kiếp binh đao hoả hoạn mà cứu giúp chúng sinh. Nay giải thích theo Quán tâm: Trung đạo chánh quán tức là Vô duyên đại từ, căn lực Từ thiện khiến các tâm sở đều nhập đồng thể đại bi trong pháp, lia các điều bất thiện, cho nên gọi là “Từ Thị”. Lại, nói “Từ” là họ, tên là A-dật-đa, Trung Hoa dịch là Vô Thắng.

Đây lược bớt, không giải thích Bồ-tát Bảo Tích.

**“Đạo sư”**: Kinh Tư Ích nói: Đối với chúng sinh rơi vào tà đạo thì sinh tâm đại bi, khiến cho họ nhập chánh đạo mà không cầu báo ân, cho nên gọi là “Đạo sư”. Quán tâm giải thích: Tam quán diệu trí dẫn dắt tất cả hành, không rơi vào nhị biên, đều nhập chánh quán, cho nên gọi là “Đạo Sư”. Những điều gì chưa giải thích, thì sau sẽ chú thích...

5. Từ “Các vị đại Bồ-tát như thế” trở xuống, là câu tổng kết.

Loại chúng thứ ba: Tạp chúng: Cựu dịch là “Chúng phạm phu”, nhưng trong đây có Thánh. Cựu dịch là “Tục chúng”, nhưng trong đây có Đạo. Cựu dịch là “Thiên nhơn chúng”, nhưng trong đây có rồng, quỷ thần. Các kiểu dịch như thế đều bất tiện. Nay gọi là “Tạp chúng” thì đầy đủ ý. Bởi vì bao gồm năm đường hai cõi tám phiên cho nên gọi là “Tạp”. Kinh Phương Đẳng cũng liệt nêu địa ngục, Kinh Trung Ấm cũng nói “hóa vô sắc”, đây đều tùy căn cơ thích nghi thị hiện, không thể liệt bày một mà đều đủ, lại không thể quyết định thứ lớp kia. Xưa lại nói: Người là chủ của cõi kia, nhường cho khách ở trước. Kinh Vô Lượng Nghĩa chỉ với kinh này là đồng bao quát, nêu quốc vương quốc thần quốc sĩ, quốc nữ không luận khách hay chủ nhường nhau. Các kinh gia rút ra kết luận, phải hướng đến văn kinh liệt bày, hoặc có ý riêng chưa

rõ ràng! Nay xem văn này có tám phiên. Trước hết nêu Đế-thích, tiếp đến kể Tứ vương, trước là rồng sau là chim quỉ thần nhiều lần nêu lên, vì nghĩa này cho nên gọi là Tạt chúng, không thể nói thứ lớp kia. Lại, Tạt chúng ấy trong đó có người đắc đạo có người chưa đắc đạo, quả báo lẫn lộn và hình thể lẫn lộn, cho nên nói “tạt”. Trong số đó có người đắc đạo Nhị thừa, vô lậu trí cùng vô minh phiền não lẫn lộn, cho nên nói “tạt”. Trong số đó có người đắc Bồ-tát đạo, lẫn lộn hòa cùng với chúng có căn cơ tạt, cho nên gọi là “tạt”. Trong đó có người đắc Phật đạo, một pháp đầy đủ tất cả các pháp cho nên nói “tạt”. Nghĩa “tạt” như vậy, đâu có thể lấy hình thể phạm phu thế tục mà phê phán, lại không thể lấy hàng nhân thiên ngũ đạo mà phê phán, cho nên nói “tạt”. Đây là căn cứ Giáo mà giải thích.

“Thích-đề-hoàn-nhân”, Nhân Đà-la-ni, hoặc nói Chiên-đề-la, Trung Hoa dịch là Năng tác, làm chủ cõi trời Đạo-lợi. Đạo-lợi, Trung Hoa dịch là Tam thập tam thiên. Bốn bên đều có tám thành, đến thành Hỷ Kiến thì hợp thành ba mươi ba tầng cùng ở đỉnh núi Tu-di. “Tu-di”, Trung Hoa dịch là An minh, do bốn thứ châu báu tạo thành, cao rộng ba trăm ba mươi sáu vạn dặm. Đây là chủ cõi trời Dục, cho nên nêu trước. Kinh Tạt A-hàm quyển thứ bốn mươi nói: Có một Tỳ-kheo hỏi Phật: Vì sao tên là Thích-đề-hoàn-nhân? Phật đáp: Vì thuở xưa lúc làm người thì hành Đốn thí, có khả năng làm chủ, cho nên gọi là Thích-đề-hoàn-nhân. Vì sao gọi là Phú-lan-đà-la? Vì lúc làm người, thường hành bố thí. Vì sao gọi Ma-già-bà? Vì lúc làm người, có tên ấy. Vì sao gọi Sa-bà-la? Vì khi còn làm người, thường bố thí áo Sa-bà-la. Vì sao gọi Kiều-thi-ca? Vì khi làm người, có họ ấy. Vì sao gọi Xá-chỉ-bát-đế? Xá Chỉ là vợ, Bát-đế là chồng. Vì sao gọi là Thiên nhân? Vì khi còn làm người, rất thông minh, trong nhất thời tọa tư duy ngàn thứ nghĩa, quán sát xứng lượng cho nên gọi là Thiên nhân. Vì sao gọi Nhân-đề-lợi? Vì làm chủ ba mươi hai tầng trời. Kinh Anh Lạc quyển thứ ba nói: Thiên đế tên Câu-dực. Giáo môn giải thích: Trong Kinh A-hàm, Đế-thích là A-na-hàm. Kinh Bát-nhã nêu mười phương nạn vấn Bát-nhã đều gọi là Thích-đề-hoàn-nhân. Trong Biệt giáo Viên giáo, nêu rõ Thích-đề-hoàn-nhân đắc Thủ Lăng-Nghiêm Tam-muội, nội chứng không đồng, trải qua hai ngàn lẻ hai mươi bốn kiếp thuộc Hiền kiếp làm Phật, hiệu là Vô Trước Thế Tôn.

Bản tích: Thập trụ, Hạnh, Hồi hướng tức ba mươi tầng trời. Thập địa là một, Đẳng giác là hai, Diệu giác làm chủ. Đồng nương cây đệ nhất nghĩa thiên, cùng uống cam lộ thật tướng tức Bản. Ở đỉnh núi Tu-di

tức tích.

Quán tâm giải thích: Tự hành thập thiện, khuyến hóa người khác tùy hỷ. Ba mươi điều thiện này đều Không đều Giả đều Trung, tức là ba mươi ba môn quán.

Ba vị thiên tử: Danh Nguyệt v.v... là nội thân hoặc như khanh tướng, hay gọi là Tam quang thiên tử. “Danh Nguyệt” là Bảo Cát Tướng Nguyệt thiên tử, tức Đại Thế Chí ứng hóa. “Phổ Hương” là Minh Tinh thiên tử, tức Hư Không tạng ứng hóa. “Bảo Quang” là Bảo Ý Nhật thiên tử, tức Quan Thế Âm ứng hóa. Đây là Bản Tích giải thích.

Quán tâm giải thích: Tam quán tức tam trí, tam trí tức tam quang, từ tam đế sinh tam trí. Đế tức là Thiên, Trí tức là Tử.

“Tứ đại thiên vương”: Là quan ngoại thần của Đế-thích như tướng võ ở núi Tứ bảo cao bằng nửa núi Tu-di, rộng hai mươi bốn vạn dặm, Phía Đông là Đề-đầu-lại-tra, Trung Hoa dịch là Trì Quốc, cũng gọi là An Dân, ở Hoàng Kim Sơn thống lĩnh hai loại: Kiên-đạt-bà và Phú-đơn-na. Phía Nam là Tỳ-lưu-lặc-xoa, Trung Hoa dịch là Tăng Trưởng, cũng gọi là Miễn Ly, ở núi Lưu ly thống lĩnh hai loại quỉ: Tích-hiệp-đa và Cưu-bàn-trà. Phía Tây là Tỳ-lưu-bác-xoa, Trung Hoa dịch là Phi Hảo Báo, cũng gọi Ác nhãn, cũng gọi là Tạt ngữ, ở núi Bạch-ngân thống lĩnh hai loại quỉ: Độc Long và Tỳ-xá-xà. Phía Bắc là Tỳ-sa-môn, Trung Hoa dịch là Chủng Chủng Văn, cũng gọi Đa Văn, ở núi Thủy tinh thống lĩnh hai loại quỉ: La-sát và Dạ-xoa. Mỗi phương thống lĩnh hai loại quỉ, không để cho chúng làm hại người, cho nên gọi là “Hộ thế”.

Giải thích theo Bản tích: Bản, là thường lạc ngã tịnh. Bốn vua hộ trì Phật pháp, không để cho người ngoài có thể lấy đi một cành lá nhỏ hoặc phá hoại. “Thường” vương, ủng hộ phương Đông thường vô thường song thọ. “Lạc” vương, hộ phương Nam lạc vô lạc song thọ. “Ngã” vương, hộ Tây phương ngã vô ngã song thọ. “Tịnh” vương, hộ phương Bắc tịnh bất tịnh song thọ. Cành dụ cho thường, hoa là dụ cho ngã, quả dụ lạc, mầm và lá dụ cho tịnh. Ủng hộ cành lá hoa quả này, thường làm lợi ích cho tất cả chúng sinh. Tích, là làm Tứ vương mà hộ thế.

Giải thích theo Quán tâm: Trí quán tứ đế tức là tứ vương. Mỗi đế trừ hai hoặc ái kiến, tức là bảo hộ trừ tám ái kiến. Tiếp, trên cõi Đạo-lợi có Diệm-ma, Trung Hoa dịch là Thiện thời. Đại luận nói: Diệu Thiện cách cõi Đạo-lợi ba trăm ba mươi sáu vạn dặm, trên Thiện thời có cõi Đâu-suất-đà, Trung Hoa dịch là Diệu túc, cách cõi Diệm-ma như cách đất, mà không liệt kê! Vì sao vậy? Vì cõi trời dưới thì ngu độn, cõi trời

trên thì đắm đục lạc, mà còn biết tập hợp nghe pháp, hướng chi trời này không đắm không ngu độn mà không đến ư? “Tự Tại” tức cõi thứ năm, “Đại Tự Tại” tức là tầng thứ sáu, tự hóa ngũ đục tha hóa ngũ đục...

Có người nói: “Đại Tự Tại” là đỉnh của cõi Sắc. Thật ra trời này không nên vượt đến cõi Sắc kia. Bản tích: Bản, hai cõi trời này trụ định Tự tại, Tự tại vương... Tích, là hai cõi trời vậy. Giải thích theo Quán tâm: Nhập Không là Tự Tại quán, nhập Trung là Đại Tự Tại quán.

Tiếp đến là nêu cõi trời Sắc giới. “Sa-bà”, Trung hoa dịch là Nhẫn. Cõi kia chúng sinh sống với mười điều ác, không chịu xa rời. Từ con người mà đặt tên cõi, cho nên gọi là Nhẫn. Kinh Bi Hoa nói: Vì sao gọi là Sa-bà? Vì các chúng sinh ở đó nhẫn chịu ba độc và các phiền não, cho nên gọi là cõi Nhẫn, cũng gọi là “Tạp” vì lẫn lộn chúng sinh trong chín đường ở chung. “Phạm”, Trung Hoa dịch Ly đục, trừ bỏ ràng buộc của cõi dưới mà hưởng lên cõi Sắc, cho nên gọi là “Ly-đục”, cũng gọi là Cao Tịnh. “Thi khí”, Trung Hoa dịch Đảnh Kế. Lại, nước ngoài gọi lửa là Thọ-đề Thi-khí, vì vua nước này vốn tu định Hoả Quang, phá lậu hoặc của Dục giới, từ đức mà đặt tên. Nhưng kinh nêu “Phạm thiên vương”, lại nêu “Thi-khí”, giống như hai người. Căn cứ Thích luận giải thích: chính là ông Thi-khí làm vua. Nay, Kinh nêu địa vị trước hiển danh sau, sợ gọi Thi-khí là một người khác. Trụ thiên trung gian, trong có giác quán, ngoài có ngôn thuyết, được chủ lãnh, làm vua. Riêng tu thiền làm dân cõi Phạm thiên tu thêm tứ vô lượng tâm thì làm vua. Sơ thiên có Phạm chúng, Phạm phụ, Đại phạm, nay nêu “vương”(vua) để thâm nhiếp tất cả. “Quang Minh” là Nhị thiên, gồm có Thiếu quang, Vô lượng quang, Quang-âm thiên. Tam thiên có Thiếu-tịnh thiên, Vô-lượng-tịnh thiên, Biến-tịnh thiên. Tứ thiên có Mật thân, cũng vô quái ngại, vô lượng mật cũng thọ phước mật quả cũng Quảng quả, vô tướng mật cũng Vô tướng. Lại có Ngũ Na-hàm, Bất Phiền, Bất Nhiệt, Thiện Hiện, Thiện Kiến, Sắc Cứu cánh, cũng là Đại Tự Tại tức Ma-hê-thủ-la, Kinh văn chỉ nêu tóm lược, không nêu đầy đủ chỉ nói “vân vân” (v.v...) tức các cõi này. Theo lệ có giải thích theo Giáo môn, Bản tích, Quán tâm, tự suy ra mà hiểu.

Tiếp đến nêu tám vị Long vương: “Nan-đà” gọi là Hoan Hỷ, “Bạt” gọi là Thiện. Hai anh em thường ủng hộ nước Ma-kiệt-đà làm mưa, khiến nước này luôn no đủ. Vua Bình-sa mở hội tạ ơn long vương, dân chúng nghe đều hoan hỷ, do đó mà đặt tên là Hoan Hỷ. Đây là Rồng được Mục-liên hàng phục. Chúng ở trong biển vậy. Giải thích theo Bản tích: Bản, trụ Hoan-hỷ địa. Tích, ở giữa biển. Quán giải thích:

Tam quán tức Trung đạo sinh pháp hỷ. “Ta-già-la long vương”: từ chỗ ở là biển Ta-già-la, mà đặt tên. Kinh Hoa Nghiêm đã khen tụng. Xưa nói nhân nước mà đặt tên. Giải thích theo Bản tích: Bản, trụ trí độ đại hải. Tích, ở biển xanh. “Hòa-tu-kiết long vương” đây gọi là Đa đầu, cũng gọi là Bảo Xưng sống ở trong nước, Bản, trụ Phổ hiện sắc thân Tam-muội. Tích, thị hiện Rồng nhiều đầu. Quán: Nhập Giả quán, phân biệt vô lượng pháp môn... “Đức-xoa-ca”, Trung Hoa dịch Hiện Độc cũng gọi Đa thiết, hoặc nói Lương thiết. Bản, trụ nơi pháp môn Nhạo thuyết vô ngại biện. Tích, thị hiện Rồng nhiều lưỡi. “A-na-bà-đạt-đa” từ ao mà đặt tên. Đây gọi Vô nhiệt, là ao Vô nhiệt vậy. Kinh Trường A-hàm quyển mười tám nói: Trên đỉnh Tuyết sơn có ao tên A-nậu-đạt, trong ao có cây Ngũ-quế-đường, từ ao mà đặt tên. Long vương thường ở trong đó. Các loại rồng ở Diêm-phù-đề có ba tai hoạ: 1. Gió thổi cát nóng dính vào thân, đốt cháy da thịt và xương tuỷ rất khổ não. 2. Gió dữ dội thổi đổ cung điện kia, làm mất bảo vật y phục trang sức, hiện nguyên thân rồng, rất khổ não. 3. Khi các rồng đang vui thú, chim xí điểu vào cung bắt rồng con mới sinh ăn thịt. Những khổ sở đó trong ao này không có. Lại ao này, nếu chim xí sinh tâm muốn đến, thì liền mạng chung, nên gọi ao Vô nhiệt não. Bản, trú thanh lương “Thường, lạc, ngã, tịnh”. Tích, thường ở nơi ao trong mát. Quán: Tam quán diệu tuệ, thanh tịnh Ngũ trụ phiền não, tránh khỏi cát nóng của hai cách chết.

“**Ma-na-tư**”, Trung Hoa dịch Đại thân, hoặc là Đại ý, Đại lực... Tu-la quét nước biển vào thành Hỷ-kiến, rồng dùng thân quấn quanh để chặn nước biển. Bản, trú vô biên thân pháp môn. Tích, làm Rồng thân lớn. Quán: Trung đạo chánh quán tánh kia rộng lớn.

“**Ưu-bát-la**”, Trung Hoa dịch là Đại sắc Liên hoa trì, rồng trú nơi ao này, lấy đó đặt tên. Bản, trú nơi Pháp Hoa Tam-muội. Tích, ở nơi ao này. Quán: Tam quán tức là tu nhân, nhân tức liên hoa (hoa sen). Kinh Chánh Pháp Niệm nói: Rồng bảo vệ cảnh giới chư thiên, Tu-la dấy binh đến trước cùng rồng đánh nhau, trước rồng thắng trận, cho nên biết là rồng cai quản cõi trời.

Tiếp đến liệt kê “bốn vị Khẩn-na-la”, cũng gọi là Chân-đà-la, Trung Hoa dịch là Nghi thần, giống như người nhưng có một sừng cho nên gọi là Nhân phi nhân (người chẳng phải người), là thần tấu nhạc của Thiên đế ở núi Thập bảo, thân có dị tướng, có thể tấu nhạc. Khi Phật thuyết pháp, chư thiên gảy đàn hát ca tụng pháp môn. Xưa nói: Pháp Khẩn tấu Tứ đế, Diệu Khẩn tấu Thập nhị nhân duyên, Đại Khẩn tấu Lục độ, Trì Khẩn tấu chung ba thứ trước. Nay nói tấu pháp môn Tứ

giáo. Bản, trú nơi bất khả tư nghì, không khởi Diệt định, chấp tay an trú nơi thiền định, dùng ngàn vạn kệ tán thán các Pháp vương. Tích, nhờ nơi đàn sáo ca vịnh thập lực. Quán: Quán âm thanh tức Không tức Giả tức Trung. Tùy thuận tam đế, tức là tán thán Phật.

“**Càn-thát-bà**”, Trung Hoa dịch là Khứu hương, lấy mùi hương làm thức ăn, cũng gọi là Hương ẩm, thân ấy bay ra mùi hương. Đây là thần nhạc thế tục của Thiên đế. “Nhạc Càn-thát-bà” chuyên đảo múa cờ. “Nhạc âm Càn-thát-bà” đánh trống, đàn sáo. “Mỹ Càn-thát-bà” múa cờ nhưng giỏi hơn. “Mỹ âm Càn-thát-bà” đàn sáo nhưng điêu luyện hơn.

“**A-tu-la**”, Trung Hoa dịch là Vô tửu, hái hoa khắp tứ thiên hạ đem ủ rượu ở biển lớn, do nghiệp lực rồng cá nặng nề, rượu không lên men, bèn nổi giận thề quyết không uống rượu nên gọi là Vô tửu thần, cũng gọi là Bất đoan (không chính trực). Di Thiên An sư nói: thật thà chất phác thành thật tin tưởng. Vị thần này nịnh bợ quanh co không tương xứng với danh. Có hai loại A-tu-la. Loại thuộc loài Quỷ, ở bên biển lớn. Loại thuộc loài Súc sinh, ở dưới đáy biển. “Bà-trĩ”, Trung Hoa dịch là Bị Phược, hoặc gọi là Ngũ Xứ Bị Phược, hoặc gọi là Ngũ Ác. Như bị vật trời buộc nơi cổ không mở ra được cho nên nói Bị Phược, cũng gọi là Hữu Phược, bị Đế-thích trời buộc. Giải thích theo Bản Tích: Bản, năng trời buộc năm đường, trời buộc ma ngoại đạo. Tích, làm dáng dấp như đây. Chánh Pháp Hoa nói Tối thắng quán, dùng trí tam quán trời buộc Ngũ-trụ-hoặc, nhập trong thật tế. “Khư-la-khiên-đa”, Trung Hoa dịch là Quảng kiên giáp, cũng gọi Ác ẩm, từ trong nước biển vọt ra, chánh bản gọi là Bảo cấm. Giải thích theo Bản Tích: Bản, trụ nơi quyền thật nhị trí, lòng từ gánh vác chúng sinh. Tích, làm hai vai rộng. Quán: Tam quán năng cổ động che lấp biển lớn sinh tử ngũ trụ. “Tỳ-ma-chất-đa”, Trung Hoa dịch là Tịnh Tâm, cũng gọi là Chủng Chủng Nghi. Sóng nước biển phát ra âm thanh, gọi là Tỳ-ma-chất-đa, cũng là tên cha của Xá-chỉ. Quán Phật Tam-muội nói: Quang âm thiên sinh trên đất. Đất khiến có đục nên vào biển tắm rửa, chất bất tịnh rơi vào bùn biển thành trứng, tám ngàn năm sau nở ra một người con gái, một ngàn cái đầu thiếu một cái, hai mươi bốn cái tay. Người nữ này giỡn đùa trong nước, nước tinh vào thân, sau tám ngàn năm sinh ra một người con trai hai mươi bốn cái đầu, một ngàn cái tay thiếu một cái. Âm thanh do sóng nước biển va đập nên gọi là Tỳ-ma-chất-đa. Dùng danh từ này đặt tên cho người con trai. Tỳ-ma-chất-đa lấy Càn-thát-bà nữ sinh ra Xá-chỉ. Đế-thích do nghiệp lực nên khiến cho cha Xá-chỉ ở nơi cung điện bảy

báu, lấy Xá-chỉ làm vợ, sau gièm pha cha Xá-chỉ liền đem binh giao chiến, chân đạp sóng nước, tay công phá thành Hỷ Kiến, Đế-thích dùng sức trì chú Bát-nhã nên không thể làm hại được. Chánh bản gọi là Yên cư (ở yên). Giải thích theo Bản Tích: Bản, là sắc tâm vốn tịnh. Tích, là tên đây. Quán: Chánh quán trung đạo tức là tịnh tâm.

“**La-hầu-la**”, Trung Hoa dịch Chương Trì, giữ ngăn che ánh sáng mặt Trời, mặt trăng. Là thân súc sinh dài tám vạn bốn ngàn do tuần, miệng rộng cả ngàn do tuần, trang nghiêm thân bằng bảo châu, ngắm xem vườn rừng thiên nữ ở cõi trời. Nếu người trong bốn châu thiên hạ hiếu dưỡng cha mẹ cúng dường Sa-môn, thì khiến chư thiên có oai lực, mưa đao trên không. Nếu không như vậy, thì chư thiên vào cung không ra. Lại, mặt trời phóng chiếu ánh sáng vào mắt La-hầu-la không thể thấy được nên lấy tay che mặt trời, người đời đều nói Nhật trùng quái hiểm, với đủ loại tà thuyết. Lấy tay che mặt trăng, cũng như vậy. Hoặc là kêu lớn tiếng, người đời nói thú ở cõi trời rống, sẽ có nguy loạn triều vua suy tàn, bao nhiêu tà thuyết v.v... Vì sợ mặt trăng mặt trời nên có lúc thân kia hiện to lớn gấp bội để nuốt mặt trăng mặt trời. Mặt trời mặt trăng bị mất ánh sáng, nên đến kêu than với Phật, Phật bảo La-hầu-la chớ nuốt mặt trời mặt trăng. La-hầu toàn thân chi tiết chuyển động, toát mồ hôi, liền nhả mặt trời mặt trăng. Đây là vì nhân duyên của các lực chúng sinh, mặt trời mặt trăng và Phật hợp lại nên không thể hại được. Xưa có Bà-la-môn thông minh rộng bố thí, dùng bốn ngàn xe chở thức ăn ở giữa đồng trống bố thí, thấy một tháp Phật bị người ác thiêu cháy liền dùng bốn ngàn xe chở nước dập lửa cứu tháp. Bà-la-môn ấy hoan hỷ phát nguyện, nguyện được thân lớn nhất cõi Dục giới. Vì đã không có chánh tín, thích đấu chiến, ưa bố thí nên sinh trong thành Quang minh, làm La-hầu-la chủ A-tu-la. Chánh bản còn gọi là Hấp Khí. Bản quán v.v...

Tiếp kể đến “bốn Ca-lâu-la vương”. “Ca-lâu-la”, Trung Hoa dịch là Kim Xí, loài chim lông cánh sắc vàng ở trên cây đại thọ trong tứ thiên hạ, hai cánh cách nhau ba trăm ba mươi sáu vạn dặm. Có người nói Trang Tử gọi là chim Bằng. Khi chim Bằng đi hai cánh xoè ra che chở các loài chim khác, cũng gọi là Phụng hoàng. Chim phụng này không dẫm đạp trên cỏ tươi, thích ăn đọt trúc, đậu ở cây Nhũ đồng mà sống, còn loài Kim xí thì chuyên ăn rỗng. “Đại Uy Đức”: Có uy hơn các loài khác. Lại, uy dũng có thể thâm nhiếp các loài rỗng. Chánh bản gọi là Cự Túc. “Đại thân”: Thân lớn hơn các loài chim khác. “Đại Mãn”: Do ăn rỗng mà sung mãn ý muốn. “Như Ý”: Là cổ có đeo ngọc. Chánh bản



gọi là Bất khả động. Chim Ca lâu có thần lực, con trống biến hóa làm thiên tử, con mái hóa làm thiên nữ, hóa trú xứ của mình thành có cung điện báu cũng có trăm vị thơm ngon, nhưng vì nghiệp báo phải ăn rồng. Loài chim thai sinh chỉ có thể ăn rồng thai sinh mà không thể ăn ba thứ rồng còn lại. Loài chim noãn sinh có thể ăn hai thứ rồng noãn và thai sinh. Loài chim thấp sinh có thể ăn ba thứ rồng noãn, thai, thấp sinh. Loài chim hóa sinh có thể ăn luôn cả bốn thứ rồng (noãn thai thấp hóa). Kinh Quán Phật Tam-muội nói: Chính âm là Ca-lâu. Một ngày ở núi về phương Đông loài chim này ăn một con rồng vua và năm trăm rồng con, ba phương còn lại cũng như vậy, ăn giáp một vòng thì quay lại từ đầu, thọ tám ngàn tuổi. Khi sắp mạng chung thì mất hết thế lực, muốn ăn rồng con thì rồng mẹ gào thét nên chim không ăn được, liền nổi giận từ núi Kim Cương bay thẳng ra biển, xuyên qua địa luân, không thể vượt qua phong luân, bị gió thổi mạnh đẩy trở về núi Kim Cương, cứ như vậy bảy lần rồi trở lại trên đỉnh núi Kim Cương mà chết, da thịt phất ra thành lửa thiêu đốt núi báu. Nan-đà sợ lửa đốt cháy núi nên liền tưới mưa dập tắt lửa, thịt tan rửa chỉ còn quả tim xông thẳng đến phong luân cũng bảy lần trở lại rơi trên núi, thành ngọc như ý. Rồng được ngọc này thì làm vua. Vua ở nhân gian cũng động lòng muốn lấy hạt ngọc này. Tiếp kể đến người: “Vi-đề-hy mẫu”, Trung Hoa dịch là Tư Duy, là mẹ của A-xà-thế. Vua “Tần-bà-sa-la”, Trung Hoa dịch là Mô Thật, là cha “A-xà-thế” tức Vị Sinh Oán, hoặc gọi là “Bà-lưu-chi”, Trung Hoa dịch là Vô chỉ, người trong nước gọi ông là Thiện Kiến, Thiện Kiến là Bản danh, Vô chỉ là tên gọi nêu Tích. Đại Kinh nói: “A-xà” gọi là Bất sinh, “Thế” gọi là Oán. Vì không sinh Phật tánh, thì phiền não oán sinh. Phiền não oán sinh, thì không thấy Phật tánh, không sinh phiền não thì thấy được Phật tánh. Lại, “A-xà” gọi là Bất sinh, “Thế” gọi là thế pháp. Do tám pháp thế gian không làm ô nhiễm được, cho nên gọi là “A-xà-thế”. Đây là theo nghĩa Bản. Kinh Phổ Siêu nói: “A-xà-thế theo Văn Thù sám hối, đặc Nhu thuận nhẫn. Khi mạng chung liền vào địa ngục Tần-tra-la, vừa vào lại ra ngay, sinh lên cõi Phật, đặc Vô sinh nhẫn. Đến thời Phật Di-Lặc xuất thế, lại đến cõi này làm Bất Động Bồ-tát, về sau sẽ thành Phật hiệu là Tịnh Giới Như Lai”. Tích kia đã vậy, thì Bản há có thể lường? Khi Đức Phật thuyết Pháp Hoa, ông được dự vào chúng thanh tịnh. Đến thời kinh Niết-bàn thì A-xà-thế tự nêu tội nghịch của mình. Đâu khác gì Ca-diếp ở trên hội Pháp Hoa được Phật thọ ký, mà khi Phật Niết-bàn thì không kham phó chúc. Không thể mê muội đối với Tích và lầm lẫn đối với Bản kia. Quán giải thích: Tham ái

là mẹ, Vô minh là cha. Hại cha mẹ cho nên gọi là nghịch, ngược lại tức là thuận. “Hành nơi phi đạo mà thông đạt Phật đạo” là vậy.

Hỏi: Đức Phật ở trong loài người thuyết pháp, tại sao liệt kê người ít như vậy?

Đáp: Văn kinh lược bớt không chép, thật sự người không ít. Văn nói: “Và các Tiểu vương, Chuyển luân thánh vương v.v...” Trong kinh Vô Lượng Nghĩa liệt kê Tứ luân vương, quốc vương, quốc thân, quốc dân, sĩ nữ, nên chúng người rất đông vậy.

Hỏi: Trời người rồng, quỷ đều đến gặp Phật nghe pháp, một nẻo địa ngục, một cõi Vô sắc ý gì không nêu ra?

Đáp: Nghĩa này nay sẽ biện rõ. Phạm lên xuống các đường đạo là do Giới có trì có hủy. Có thấy Phật hay không thấy Phật, là do Thừa có chậm có nhanh. Nhưng trì Giới có thô tế, cho nên quả báo có hơn có kém. Trì Thừa có Tiểu có Đại, cho nên thấy Phật có Quyền có Thật. Đây lược nêu Giới và Thừa đều có ba bậc. Nưng một câu Niết-bàn triển khai thành bốn câu, giải thích bốn câu thì nghĩa kia hiển rõ:

1. Tu Giới và Thừa đều nhanh.
2. Tu Giới chậm, Thừa nhanh.
3. Tu Giới nhanh, Thừa chậm.
4. Tu Giới và Thừa đều chậm.

Nếu luận chung Giới Thừa, thì tất cả thiện pháp, tất cả quán tuệ đều được gọi là Giới cũng đều là Thừa. Ngữ thừa: nhân, thiên tức là nghĩa kia. Đạo cộng đẳng Giới đều là ý chung. Nay luận riêng thì Tam quy, Thập thiện, Bát quan trai, luật nghi xuất gia cho đến định, đều có khả năng canh phòng thân khẩu, ngăn quả đọa ác đạo, được báo cõi trời cõi người, gọi là Giới. Nếu nghe kinh phát sinh hiểu biết, quán trí nghiên cứu Tứ đế, Thập Nhị nhân duyên, Lục độ, sinh diệt, không sinh diệt v.v... do trí năng phá phiền não, mà chuyển ra khỏi ba cõi, thì gọi là Thừa. Cho nên Đại Phẩm nói: “Thiện có tướng thì bất động bất xuất, thiện vô tướng thì năng động năng xuất”, tức nghĩa đây vậy.

*1. Nếu tu Giới và Thừa đều nhanh:* tức hành trì Giới bậc hạ. Tu Giới nhanh thì quả báo ở trong loài người, trì Tiểu thừa Thừa nhanh. Do thân trong loài người lại trong thời Tam tạng giáo, thấy Phật nghe pháp, trì Trung thừa Thừa nhanh. Do báo thân làm người trong thời Thông giáo Đại thừa cho đến thời các kinh Đại thừa kèm phương tiện, thấy Phật nghe pháp, trì thượng thừa Thừa nhanh. Do báo thân làm người, lại trong các thời giáo Hoa Nghiêm, Pháp Hoa và Viên giáo trong các giáo, thấy Phật nghe pháp, và được dự vào hàng chúng cùng nghe. Nếu trì

Giới bậc trung mà nhanh, thì quả báo ở trong cõi trời Dục, trì Tiểu thừa Thừa nhanh. Làm thân trời nơi Dục Giới ở trong thời Tam tạng, thì thấy Phật nghe pháp. Các thừa còn lại như trên nói. Nếu trì Giới bậc thượng nhanh, lại tu thêm thiền định thì quả báo ở các cõi trời Sắc, Vô sắc, trì Tiểu thừa Thừa nhanh. Làm thân trời ở các cõi Sắc, Vô sắc, ở thời Tam tạng, thì thấy Phật nghe pháp. Các thừa còn lại, như trên nói. Giải thích câu thứ nhất xong.

2. *Tu Giới chậm Thừa nhanh*: Tu Giới ba bậc (thượng, trung, hạ) chậm, thì quả báo đọa trong ba đường, trì Tiểu thừa Thừa nhanh. Làm thân đọa trong ba đường ở thời Tam tạng, thì thấy Phật nghe pháp. Các thừa còn lại, như trên nói. Giải thích câu thứ hai xong.

3. *Tu Giới nhanh Thừa chậm*: Vì tu Giới ba bậc nhanh, nên thọ thân trời người trong Dục giới và cõi trời Sắc, Vô sắc. Vì tu tam Thừa chậm nên Phật tuy xuất thế thuyết pháp tam thừa, mà ưa đắm quả báo lạc, ham mê ngũ dục, cho nên không thấy Phật không nghe pháp. Ba ức gia đình ở tại Xá-vệ mà cũng không thấy Phật không nghe pháp, tức mê đắm các dục lạc Tam Giới, các cõi Trời v.v... Giải Thích-câu thứ ba xong.

4. *Tu Giới Thừa đều chậm*: Thì thọ báo trong ba đường, không thấy Phật không nghe pháp. Giải thích câu thứ tư xong.

Văn đây không liệt kê địa ngục, do vì tu Giới chậm, khổ nặng quả báo ngăn cách thượng Thừa, lại chậm quá không thể ở thời kinh Pháp Hoa thấy Phật nghe pháp. Các kinh khác có liệt kê thì đều là tu các Thừa khác nhanh. Lại, không nêu ra cõi trời Vô sắc vì tu Giới bậc thượng nhanh, cho nên thọ thân ở cõi trời, đắm vị định nên tu thượng Thừa chậm, không thể dự hội Pháp Hoa thấy Phật nghe pháp. Các kinh khác có liệt kê thì đều là có tu Thừa khác nhanh. Nếu hiểu được ý đây, mỗi mỗi xem xét thiên long bát bộ đều biết duyên xưa nhanh hay chậm, cho nên có chúng nào đến nghe, chúng nào không đến đều có thể hiểu. Rộng giải thích thì như sơ Tịnh Danh. Hiểu được Quyền thì dẫn đến Thật Nghĩa Bản Tích càng thêm rõ. Lấy đây mà xem xét các quán hạnh đã qua, thì nhân quả ba đời rõ ràng có thể biết.

Câu: “Đều lễ dưới chân Phật” là tổng kết chúng vân tập.

Từ “Lúc bấy giờ đức Thế Tôn” trở xuống đến hết phẩm gọi là Biệt tựa. Văn chia làm năm phần:

1. Chúng tập.
2. Hiện thụy.
3. Nghi niệm.

4. Phát vấn.

5. Đáp vấn.

Ngài Quang Trạch phân tích nghĩa sinh khởi có thuận, nghịch. Thuận như: Do chúng tập nên có hiện thụ (điềm lành), cho đến do hỏi nên có đáp. Nghịch là: đáp là do nơi hỏi, cho đến hiện điềm lành là do chúng tập. Đây chính là thuận nghịch duyên khởi như vòng móc nối liên quan nhau. Bài tựa nơi ý chính xong mà tự chưa hiểu rõ, ngay như một nhân duyên giải thích còn tự không hiểu rõ hướng chi hai, ba, bốn duyên thì hoàn toàn không có đường hướng. Nay nêu rõ bốn điều Nhất trong ý chánh ở lời tựa riêng của năm nghĩa duyên khởi:

1. Chúng tập hợp: Giới thiệu Người nhất.
2. Hiện điềm lành: Giới thiệu Lý là nhất.
3. Nghi niệm: giới thiệu Hạnh nhất.
4. và 5. Hỏi và đáp: là giới thiệu Giáo nhất.

Đây là giải thích theo nghĩa Nhân duyên.

Căn cứ về giáo: Tựa đây là tựa chánh, chẳng phải Tam tạng, chẳng phải Thông, chẳng phải Biệt, mà tựa Giới thiệu ý chánh trong Viên giáo. Căn cứ về Bản Tích, nếu lấy bài tựa giới thiệu bốn điều nhất của Bản địa trong Thọ lượng, thì nghĩa đây có thể tự biết, không cần ghi chép lại. Giải thích theo Quán tâm, có thể hiểu...

Phần một: Chúng tập, lại chia làm hai: Ban đầu chúng tập oai nghi, tiếp đến chúng tập cúng dường. Pháp Hoa luận nêu rõ điều này, là uy nghi như pháp trú.

“Bốn chúng”: Xưa nói: Xuất gia có hai, tại gia có hai, hợp thành bốn chúng. Ý này gọn nhưng không đủ khắp. Nay căn cứ một chúng, lại chia làm bốn:

1. Chúng phát khởi.
2. Chúng đương cơ.
3. Chúng ảnh hưởng.
4. Chúng kết duyên.

Chúng phát khởi: chúng có Quyền trí mưu tính sáng suốt, xét biết căn cơ, biết thời mà tuyên dương phát động để thành tựu lợi ích. Như voi mẹ khểnh chân dưới gốc cây khiến voi con được bú no. Nói “phát khởi” là khiến cho chúng tập hợp, phát khởi tương lành cho đến phát khởi vấn đáp... đều gọi là chúng phát khởi. Chúng đương cơ: Do gieo trồng đức đời trước, duyên nay thuần thực, như ung nhọt chín tự vỡ, không cần động đến. Chúng này bất khởi, ngồi trong pháp hội nghe liền đắc đạo, gọi là chúng đương cơ. Chúng ảnh hưởng: Các cổ Phật xưa, Pháp thân,

Bồ-tát, ẩn kín đức tốt cùng viên mãn mà phụ giúp pháp vương, như các ngôi sao vây quanh mặt trăng, tuy không làm gì mà có lợi ích rất lớn. Đây gọi là Chúng ảnh hưởng. Chúng kết duyên: Là không có lực khả năng dẫn dắt kích động, đức chẳng có công dụng hàng phục vật, trấn an nghiêm trang, mà quá khứ căn tánh nông cạn, nhiễm ô xấu xa hỗn tạp, ba tuệ không sinh khởi. Hiện tại tuy thấy Phật nghe pháp mà không có bất kỳ một lợi ích nào xét theo Tứ Tất-đàn, chỉ tạo nhân duyên được độ ở vị lai, đây gọi là Chúng kết duyên.

Chúng Tỳ-kheo đã như vậy. Ba chúng còn lại cũng như vậy. Bốn lần bốn hợp thành mười sáu chúng. Đại loại như thời Đức Phật Đại Thông Trí Thắng, nay Vương tử giáng lại, tức kia là chúng phát khởi ở thời đó. Nghe pháp đặc đạo là chúng đương cơ thời đó. Nghe pháp chưa độ, đời đời gặp nhau, mà ở đời này còn trú địa Thanh văn, tức là chúng kết duyên thời đó. Thời Đức Phật kia còn có bốn lần bốn thành mười sáu chúng, thời Phật này cũng đồng một đạo, thì sao lại không. Đây là mười sáu chúng thuộc Viên giáo vậy.

Căn cứ ba giáo, theo tiền lệ có thể biết. Giải thích theo Bản tích, có thể hiểu. Giải thích theo Quán tâm: Nghiên cứu cảnh tác quán, tại danh tự trong quán hạnh vị, tức thành chúng kết duyên. Nhập tương tự vị, tức thành chúng đương cơ. Nhập phần chân vị, tức thành chúng phát khởi, chúng ảnh hưởng...

Chữ “Vi nhiều” đi nhiều quanh. Khi Đức Phật mới hiện ở đời, người chưa biết pháp, có Tịnh cư thiên xuống hóa làm người, đến nhiều quanh bên phải Đức Phật xong, cung kính đánh lễ và trở về chỗ ngồi nghe pháp. Nhân chư thiên cung kính người bất chước theo, đây là giải thích theo Nhân duyên.

“Đi nhiều quanh”: là oai nghi đi vòng quanh, tiêu biểu trong bốn oai nghi đều thấy viên lý, tức dùng viên đối thiên, theo ước lệ có bốn nghĩa, tức giải thích theo giáo môn. Lại, thân Phật toàn thể tướng hảo đều trang nghiêm, nhiều quanh bốn vòng chiêm ngưỡng thì tăng trưởng định niệm Phật, tức giải thích theo quán tâm. Nếu quán sắc thân Phật, thì thấy được pháp thân tức giải thích theo Bản tích. “Cúng dường”: thông tam nghiệp đều là cúng dường. Nói chi tiết như: kính cẩn cúi thấp lễ, gọi là “cung kính”; chí thành chuyên chú niệm, gọi là “tôn trọng”, phát ra lời khen ngợi tốt đẹp, gọi là “tán thán”, làm cho y báo kia, gọi là “cúng dường”. Ở đây văn tóm lược, nêu đầy đủ thì như trong kinh Vô Lượng Nghĩa. Chư thiên dâng thức ăn, hương trời hoa trời y bát trời v.v... tức là cúng dường. Bồ-tát Đại Trang Nghiêm và tám vạn đại sĩ chấp tay,

tức là “cung kính”. Nhất tâm chiêm ngưỡng Phật là “tôn trọng”, nói kệ thất ngôn tức là “tán thán”. Nay luận về Chúng tập chỉ văn kia, chúng tập, thuyết kinh Vô Lượng Nghĩa xong, trang nghiêm không tán động, tức chúng kia vẫn ngồi trong pháp hội như cũ chờ nghe thuyết Pháp Hoa, cho nên biết tam nghiệp cúng dường không được có sai khác, dùng ý của kinh Vô Lượng Nghĩa kia để rộng giải thích phần lược tóm của kinh Pháp Hoa này; đối với nghĩa hoàn toàn không có sai.

Từ câu “vì các Bồ-tát mà thuyết kinh Đại thừa” cho đến hết câu “đem xá-lợi Phật mà dựng tháp bằng bảy báu để thờ” là tựa hiện tượng. Ngài Dao Sư cho rằng có bảy điềm lành, cõi này có sáu, cõi khác có một, tổng là bảy điềm lành. Ngài Quang Trạch nói :”Cõi này và kia, mỗi mỗi có sáu tướng lành”. Sáu tướng này, động thì thuyết pháp độ người, tĩnh thì nhập định quán lý, động tĩnh là một cặp. Trên trời mưa xuống bốn thứ hoa, dưới đất sáu thứ chấn động, trên dưới là một cặp. Đại chúng trong lòng rất vui mừng, bên ngoài Đức Phật phóng hào quang, trong ngoài là một cặp. Nay gọi là tùy văn để hiểu hết ý nghĩa như Tổ Quang Trạch. Nếu chỉ theo danh nghĩa mà cho rằng ý đã được bộc lộ rõ, thì hoàn toàn tự mình chưa hiểu. Nay làm rõ ba cặp tương ứng là Trí định, Nhân quả, Cảm ứng. Trí chỉ Nhất thừa thuyết Đa thừa, Định thì là Đế duyên nghĩa xứ. Nhân thì là bốn vị mưa hoa, Quả thì là sáu điềm đất chấn động, Cảm thì là căn cơ Đại thừa phát. Ứng thì là hào quang chiếu sáng viên mãn. Sáu thứ này đều gọi là tướng lành. Văn kinh nói: “Tướng nay như điềm lành xưa”. Điềm lành chỉ là tướng đó thôi! Vì lòng người phân biệt cho rằng mật báo là điềm lành, sự kỳ lạ là tướng. Tướng lạ báo hiệu điều gì? Vì diệu lý sâu xa, thuyết đó rất khó, lòng người mông lung không tôn trọng nên trước dùng tướng kỳ lạ để cải đổi thường tình. Thường tình đã biến đổi, thì sinh kính ngưỡng khao khát. Cho nên, dùng sự kỳ lạ đặc biệt giải thích tướng, dùng báo để giải thích điềm lành. Lược nêu “lục thụ” (sáu điềm lành), tiêu biểu báo mười diệu, cảm ứng sự kỳ diệu bên trong đã thuyết, nay lại nêu đạo. “Thuyết pháp thụ”, tiêu biểu báo thuyết pháp diệu trí diệu. “Nhập định thụ” tiêu biểu báo hành diệu. “Mưa hoa thụ” tiêu biểu báo giai vị diệu. “Địa động thụ” tiêu biểu báo cảnh diệu thừa diệu. “Chúng hỷ thụ” tiêu biểu báo quyến thuộc diệu lợi ích diệu. “Phóng quang thụ” tiêu biểu báo cảm ứng diệu thần thông diệu. Cho nên sáu thứ này đều gọi là tựa Hiện tượng.

“Mà thuyết kinh Đại thừa”: Theo kinh Thiện Giới, thì có bảy Đại:

1. Pháp đại nghĩa là mười hai bộ Tì-Phật-lược.
2. Tâm đại, nghĩa là cầu Bồ-đề.
3. Giải đại, nghĩa là hiểu Bồ-tát tạng.
4. Tịnh đại, nghĩa là tịnh tâm kiến đạo...
5. Trang nghiêm đại, nghĩa là phước đức trí tuệ.
6. Thời đại, nghĩa là ba tăng kỳ hành hạnh.
7. Cụ túc đại, nghĩa là dùng tướng hảo tự trang nghiêm đấng Bồ-đề.

Lại, có chỗ nói Đại thứ sáu là Nhân, Đại thứ bảy là Quả đại. Nhân đại quả đại hợp thành kinh Đại thừa. Nay đem nghĩa của mười diệu tóm lược kinh, nên có thể hiểu. Sinh sư nói: Lý Không, Vô tướng, là gốc của Đại thừa. Ban cho giáo tam thừa để mà chờ đợi thuyết Đốn giáo, bởi vì nếu không có tam thừa thì không thể có được niềm tin. Cho nên nói Vô tướng là Tựa của Pháp Hoa. Ý của Quán sư cũng đồng. Nếu vậy Bát-nhã Tịnh Danh đều lẽ ra là tựa này, đâu riêng gì kinh Vô Lượng Nghĩa? Kia giải thích rằng: Như đây do năm thời cho nên giáo sau được sinh khởi. Lại hỏi: Nếu vậy thì kinh Vô Lượng Nghĩa cùng các kinh đều thông đường cùng nhau sinh, chẳng liên quan đến biệt tựa. Cơ sư nói: “Lý Không vô hình cho nên nói vô lượng”, ý của tựa đồng với nạn vấn trước cũng như vậy. Ấn sư nói: Thiện vô tướng có nghĩa thành Phật, nên nói vô lượng. Lại, nói kinh kia không nói có ba thừa, hay không có ba thừa, tức là có khác. Kinh Đại Phẩm không phải là ý chỉ của Pháp Hoa, vì ý chỉ đó không đến đất Tần. Đây nói kinh này từ đời nhà Tống, niên hiệu Nguyên Gia năm thứ ba, do Tỳ-kheo Tuệ Biểu ở triều đình tự, quận Nam Hải gặp Ngài Đàm-ma-da-xá thọ nhận bản này, đem trả lại núi Võ Đang. Đến niên hiệu Vĩnh Minh năm thứ ba mới truyền ở đời. Kinh đã có lai lịch từ trước đến nay, sao có thể gởi trả lại Thiên Trúc?! Ngài Quang Trạch nói: Vô Lượng Nghĩa lấy vạn điều thiện đồng trở về thành tựu Phật đạo. Pháp Hoa phần Chánh thuyết nêu không có hai không có ba, phá ba trở về một, làm khác cho nên tức là Tựa. Nếu nói vạn điều thiện đồng quy, thì hai ba sao không đồng quy? Hai ba điều thiện đồng quy thì Chính và Tựa không khác: Nếu nói phá hai phá ba, thì sao không phá vạn? Phá hai phá ba thì không hai không ba, mà đã phá vạn kia, vậy thì không có Tựa. Chấp ý kinh nêu xen lẫn ý làm khác, thì không thành khác. Ý khác không hiển bày, thì nghĩa Tựa cũng không thành. Lưu Cầu chú giải rằng: Vô tướng làm gốc một pháp vô tướng bao hàm nghĩa không lường. Nếu bao hàm nghĩa không lường được, thì là hữu tướng, sao gọi là vô tướng? Nghiên cứu ý của các sư, mỗi người thiên

về một thứ. Nếu nói thiện có tướng, thì có nghĩa thành Phật, đây là ý của Tam tạng. Nếu nói thiện vô tướng thì có nghĩa thành Phật, đây là ý của Thông giáo. Nếu nói bao hàm nghĩa pháp không thể lường được, thì đây là ý của Biệt giáo. Đây là điều mà các kinh khác nói, chẳng phải ý của Tựa Pháp Hoa.

Như Pháp Hoa luận nêu mười bảy tên gọi, đều là tên khác của Pháp Hoa. “Vô Lượng Nghĩa” tức một tên gọi của Pháp Hoa, nay luận ý Phật trực tiếp nói tên này và nhập định cũng tên này, cho nên được làm Tựa. Đại Phẩm, Kim Quang Minh, Niết-bàn đều trước xưng danh nơi Tựa không ngăn ngại. Nay kinh Văn-Thù dẫn cổ Phật cũng gọi là Vô Lượng Nghĩa. Lại nói sẽ thuyết kinh Đại thừa tên là Diệu Pháp Liên Hoa, đây cũng là trong Tựa xưng danh, cùng với luận ý đồng. Nay xét kinh kia giải thích: “Vô lượng nghĩa ấy từ một pháp sinh, một pháp đó gọi là vô tướng, vô tướng bất tướng gọi là thật tướng, từ thật tướng này sinh xuất vô lượng pháp, nên gọi là hai pháp ba đường bốn quả”. Giải thích câu văn vừa nêu: “Vô tướng” là không có tướng sinh tử. “Bất tướng” là không có tướng Niết-bàn. Niết-bàn cũng không, cho nên nói “bất tướng vô tướng”, chỉ Trung đạo là “thật tướng”. Hai pháp tức đốn và tiệm. Đốn, nghĩa là tất cả pháp đốn trong thời Hoa Nghiêm. Tiệm, nghĩa là tất cả pháp trong thời Tam tạng, Phương đẳng, Bát-nhã. “Ba đường” tức là Tam thừa. “Bốn quả” tức La-hán, Bích-chi-Phật, Bồ-tát, Phật, các pháp đây gọi là vô lượng. Thật tướng là “nghĩa xứ”. Từ một nghĩa xứ mà xuất sinh vô lượng pháp, khiến được “vô lượng pháp nhập một nghĩa xứ” làm Tựa. Ví như Toán sư từ một phép tính làm ra các phép tính, lại bỏ các phép tính trở về một phép tính. Do có làm ra, nên có bỏ đi, làm ra và giới thiệu bỏ đi. Như từ một dòng nước mở ra các dòng, các dòng quy tụ một dòng. Mở ra làm Tựa hợp, cũng lại như vậy. Giải thích như thế không trái với kinh luận kia, cũng phù hợp với kinh này...

Lại nữa, kệ tán thán Vô lượng nghĩa, nêu pháp thân Phật thấu suốt là các tướng (bách phi) mà ứng làm thân một trượng sáu sắc vàng sáng chói. Kinh Phổ Hiền Quán nêu bốn đức thường lạc ngã tịnh trú xứ của bốn Ba-la-mật. Hai văn trước sau đều nêu “thường”, đâu có trung gian thọ lượng, mà gọi là vô thường? Có người hỏi: Tựa đã nói “thường”, thì Chánh thuyết nói gì? Nay phản vấn trở lại, kinh Niết-bàn lấy Thuần-đà làm Tựa đã khai mở tông thường, thì Chánh thuyết nói những gì?! Người kia lại đưa ra bài Tựa của kinh Tịnh Danh nói Kim cang vô vi vô số mà Chánh thuyết không nêu thường, Pháp Hoa cũng nên như vậy? Nay lại



phản nạn vấn: Trong kinh Niết-bàn Thuần-đà phần Tựa nói thường, Chánh thuyết nói vô thường. Nay kinh Pháp Hoa nói Tựa thường, Chánh thuyết thường đâu có gì nghi ngại?!

“Giáo Bồ-tát pháp”: Vô lượng nghĩa xứ dùng để giáo hóa Bồ-tát. Nghĩa xứ tức là đế lý. Văn kinh dưới nói: “Khiến cho khắp tất cả chúng sinh cũng đồng đắc đạo này”. Lại nói: “Nếu ta gặp chúng sinh thì đem tận giáo đạo Phật dạy họ”, tức là ý đây vậy. “Phật sở hộ niệm”: Vô lượng nghĩa xứ là Phật tự chứng đắc, cho nên được Như Lai hộ niệm. Văn kinh dưới nói: “Đức Phật tự trú nơi Đại thừa, tuy muốn khai thị nhưng vì chúng sinh căn ám độn, nên đức Phật im lặng chờ đợi, không cần phải gấp thuyết” cho nên nói là “hộ niệm”. Phật thuyết kinh này rồi thì nhập Vô lượng nghĩa xứ Tam-muội, tức định tuệ cùng thành tựu. Chẳng phải thiền không trí, cho nên trước phải nhập định. Chẳng phải trí không thiền, cho nên trước phải thuyết pháp. Tức trí mà định, tức định mà trí, trước sau xuất nhập không có ngăn ngại. Có người nghi rằng: Nếu chưa thuyết Vô lượng nghĩa thì có thể nhập định này, đã thuyết kinh này rồi cơ sao lại nhập định? Giải thích rằng: Trước nhập định này sau thuyết kinh này thì có thể hiểu, còn nếu thuyết kinh này xong mới nhập định thì đó là lấy Pháp Hoa làm Tựa đó thôi! Vì sao? Vì nếu trước không có khai, thì sau không có hợp. Trước nhập khai định là vì hợp định làm Tựa, gọi là thụy tướng, tức nghĩa này. Nếu theo thứ lớp, thì trước hết là nhập Vô lượng nghĩa Tam-muội rồi, thì tiếp theo nên nhập Pháp Hoa Tam-muội. Nếu văn nêu rõ, thì chúng đương thời đều biết, đâu đợi Di-lặc ân cần thưa hỏi Văn thù cố sức trình bày. Cho nên, biết làm Tựa nghĩa kia chuyển càng thêm rõ. “Thân tâm bất động”: cùng chỗ sở duyên tương ứng, thân vốn vắng lặng như hư không, tâm lý tánh rốt ráo thường tịch. Đức Đại Thông Trí Thắng thân thể và tay chân vắng lặng an nhiên bất động, tâm kia thường vững chãi chưa từng có tán loạn. Thân như kim cang không thể động chuyển, tâm như hư không không có phân biệt, bởi vì pháp Vô lượng nghĩa xứ Tam-muội giữ gìn thân tâm, cho nên bất động. Gọi là “Vô lượng” ấy, tức từ định tịch mà thường chiếu, năng biết thế gian, từ một pháp này xuất sinh vô lượng pháp. Nếu làm nghĩa Tựa mà thân pháp thể vận động, nay khiến không động chuyển, tâm pháp thể phân biệt, nay khiến không phân biệt, thì nghĩa Tựa càng rõ vậy.

Hỏi: Thụy tướng vốn chỉ cho sự đặc biệt kỳ dị, Đức Phật thuyết pháp nhập định, chỉ là uy nghi thường lệ, sao được gọi là thụy?

Đáp: Đức Phật thuyết pháp đã xong mà chúng không giải tán vẫn

cung kính đợi chờ, cho nên biết: Phật thuyết pháp lần trước, là để toàn thể chúng hội đến vân tập đợi nghe tiếp lần sau. Việc này đặc biệt, so với thường thuyết thật khác, sao không phải thụy? Tuy Phật nhập khai định, ý tại hợp định, so với thường nhập định có khác, sao chẳng phải là thụy tướng ư? Lại, Văn-Thù dẫn cổ Phật lục thụy đều có những việc này. Nếu xưa không phải thụy tướng thì sao lấy đó để chứng minh nay, xưa nay đồng như vậy, há có thể đem phàm tình mà cho là không phải?!

“Trời mưa bốn thứ hoa”: Các vị xưa cho rằng: Mưa hoa màu trắng lớn, nhỏ; màu đỏ lớn nhỏ. Chánh Pháp Hoa nói: hoa Ý, hoa Đại ý, hoa Phổ hưởng, hoa đại Phổ hưởng. Thích luận quyển chín mươi chín nói: Hoa trời vi diệu gọi là Mạn-đà-la, và quyển bảy mươi chín nói: Tám trăm Tỳ-kheo thành Phật quốc độ thường mưa hoa Mạn-đà-la năm màu sắc. Xưa nói: “mưa hoa trắng lớn nhỏ là tiêu biểu hai chúng tại gia, sắc đỏ lớn nhỏ là tiêu biểu hai chúng xuất gia”. Thế thì tiêu biểu nhân từ xưa đến nay mà chưa có quả? Nay cho rằng giải thích như thế hẹp và không thích hợp. Cứ nêu bốn chúng, thâm nhiếp mười sáu chúng trong Tam tạng, mà còn không hiểu hết hướng chi bốn mươi tám chúng. Vì vậy cho nên gọi là hẹp. Xét rằng: Nếu tướng hoa kia là mật báo nhân, thì bốn chúng xưa nay đã là nhân, đâu đợi hoa mật báo. Nếu mật báo quả thì trời lẽ ra mưa báu, sao lại mưa hoa? Cho nên, nói không thích hợp. Nay nói: “mưa hoa” là nêu rõ nhân xưa kia chẳng phải nhân Phật. Nhân trong Tam tạng là nhân nhị thừa, nhân trong Thông giáo là cộng nhân, trong Biệt giáo là nhân Bồ-tát, đều chẳng phải nhân Phật. Nay trời mưa hoa là báo chúng kia sẽ thâm hoạch nhân Phật. Nhân Phật tức là nhân tứ luân. “Hoa trắng nhỏ” là tiêu biểu Đồng luân Tập chủng tánh, khai mở tri kiến Phật. “Hoa trắng lớn” là tiêu biểu Ngân luân Tánh chủng tánh Thập hạnh, hiện bày (thị) tri kiến Phật. “Hoa đỏ nhỏ” là tiêu biểu Kim luân Đạo chủng tánh Thập hồi hưởng, ngộ tri kiến Phật. “Hoa đỏ lớn” là tiêu biểu Lưu ly luân Thánh chủng tánh Thập địa, nhập tri kiến Phật. Tứ luân đều đồng là nhân, nhân ấy do bên trong sinh cho nên nói “từ trời mà mưa”, do vị trí là nhân cho nên lấy “hoa” tiêu biểu. Chỉ vì nghĩa “nhân hưởng đến quả”, cho nên “hoa rơi trên Phật”. Nhân quả như thế, ai sẽ cảm sâu? Chỉ là chúng trong hội này, cho nên nói “và các đại chúng”. Văn kinh thì đức Văn-thù giải thích nghi, thối pháp loa lớn... bốn câu. Lại, trong phần Chánh thuyết nói khai thị ngộ nhập. Lại, dùng xe lớn dạo chơi khắp bốn phương, tiết tiết nương nhau đều là nghĩa của vị trí, cho nên biết: “hoa” tiêu biểu vị trí Nhân.

Hỏi: Tứ luân là nghĩa vị trí trong Biệt giáo, đâu được giải thích trong Viên giáo?

Đáp: Danh Thông giáo nghĩa Viên giáo mà còn không lỗi, hướng chỉ danh Biệt giáo nghĩa Viên giáo mà không được dùng ư?

Hỏi: Hiền thánh theo nghĩa của Biệt, Viên cũng có ư?

Đáp: Đã nói trong luận Pháp Hoa Huyền Nghĩa.

Nếu nói bốn loại hoa đều từ trên trời mưa xuống là tiêu biểu bốn chúng, thì nên cùng thành một nhân. Như đây giải thích thì mới nêu nghĩa trong Tam tạng, chưa nêu nghĩa Thông giáo. Nếu nói bốn chúng đồng là nhân Bồ-tát, thì giải thích này theo nghĩa của Thông giáo, chưa nêu theo nghĩa của Biệt giáo, đều chẳng phải nhân Phật, đều chẳng phải ý của Pháp Hoa. Ý của Pháp Hoa như trước nói.

“Khắp thế giới Phật sáu diệu chấn động” Xưa nói: Động sáu cái chấp cho rằng “Nhân quả của hàng Tam thừa là quyết định”. Đây là phá sáu cái chấp về tam thừa theo quan điểm của Tam tạng giáo, mà chưa phá sáu cái chấp về tam thừa theo quan điểm của Thông giáo. Vì Thông giáo căn cứ về pháp thì nhân quả của Tam nhân (ba hạng người) là đồng, nếu căn cứ con người thì nhân quả của Tam nhân là khác. Sự đồng khác này đều bị phá, nhưng xưa nói phá ý mà không phá nghĩa này. Lại, Biệt giáo không có tên tam thừa, thì không có lục chấp, cho nên xưa không phá. Nay nêu quan điểm của Biệt giáo: Nhân thời ba pháp theo chiều ngang và dọc. Quả thời ba pháp cũng theo chiều ngang và dọc. Đây là điều cần phải phá bỏ.

Nay giải thích “đất sáu diệu chấn động” là tiêu biểu, theo quan điểm của Viên giáo sáu phen phá vô minh. Vô minh như khối đá rắn chắc chưa từng bị phá hủy, nay đem đập nát cho nên đất chấn động là để tiêu biểu điều đó. Vô minh nếu chuyển tức biến thành minh, cho nên “khắp thế giới Phật sáu diệu chấn động”. “Sáu diệu chấn động” tiêu biểu cho: Thập trụ, Hạnh, Hồi hướng, Địa, Đẳng giác, Diệu giác sáu phen. Kinh Ưu-bà-tắc Thanh Tịnh Hạnh nói: “Bồ-tát khi sinh đất chấn động là để chứng tỏ lần sinh này là tận (không còn tái sinh), không còn phiền não, hết thấy chúng sinh đều đắc đạo, phiền não bị diệt, cho nên động”, tức nghĩa đây vậy.

Giải thích theo Bản tích: Như Văn-thù giải thích nghi dẫn cổ Phật để đáp, hiểu được mật ý này tức là hiểu được Bản, chẳng cho rằng Đức Phật nào khác khi xưa đã hiện điềm lành này mà đức Thế Tôn ta bản cũng hiện điềm lành này, chẳng phải nay là lần thứ nhất... Quán hạnh là động sáu căn vậy. Tướng đất kiên cố như sáu căn mãi chấp, chưa từng

nhập đạo Đại thừa. Đất khó động mà nay động, tiêu biểu căn chưa tịnh mà nay tịnh. Đông vọt lên Tây chìm xuống. Phương Đông màu xanh, chủ về gan. Gan chủ về mắt. Phương Tây màu trắng, chủ về phổi. Phổi chủ về mũi. Đây là tiêu biểu công đức của nhãn căn sinh và các phiền não của tị căn xen nhau diệt. Công đức của tị căn sinh thì các phiền não của nhãn căn xen nhau diệt. Các phương khác vọt lên và chìm xuống, tiêu biểu các căn công đức sinh và phiền não diệt, cũng lại như vậy. Sáu thứ chấn động: Động, khởi, dững, chấn, hống, giác. Trong một thứ lại có ba: động, biến động, đẳng biến động. Động trực tiếp gọi là “động”. Động tứ thiên hạ, là “biến động”. Động đại thiên, là “đẳng biến động”. Năm thứ còn lại cũng như vậy. Hợp cộng lại thành mười tám thứ động, đây là tiêu biểu thanh tịnh mười tám giới..

Tiếp đến, giải thích điệp: “đại chúng tâm hoan hỷ”: Chúng thấy mưa hoa đất chấn động, biết nước cam lồ sắp được uống nên vui mừng hớn hở trong lòng, là tiêu biểu chúng có căn cơ Đại thừa đang cảm nhận sự ứng nghiệm thù thắng.

Hỏi: Sự vui giận là thường tình của con người, sao được coi là điệp lành?

Đáp: Trời mưa hoa vui mắt, đất động chấn tâm. Đại kinh nói: Khi đất động thì năng khiến cho tâm chúng sinh động. Hoa và đất là hiện điệp lành bên ngoài, tâm vui là điệp lành bên trong. Cái vui này chẳng thường, xưa tuy từng có vui mà không bị vui làm chấn động. Nay năng nhất tâm quán Phật, vì sao được không gọi là điệp lành? Nếu nói hoan hỷ động ấm tâm, thì là nghĩa nhân thiên. Nếu hoan hỷ động Chân đế vô lậu tâm, thì là nghĩa theo Tam Tạng giáo và Thông giáo. Nếu hoan hỷ động “tức Giả tâm”, thì là nghĩa theo Biệt giáo. Nếu hoan hỷ động thật tướng tâm, thì là nghĩa theo Viên giáo.

Tiếp đến, nêu điệp lành: “Đức Phật phóng hào quang” tức tiêu biểu Phật ứng cơ thiết giáo, phá hoặc trừ nghi. Bạch hào (lông trắng) là đầy đủ các công đức.

Kinh Quán Phật Hải Tam-muội nói: Khi đức Phật mới sinh thì lông trắng nếu duỗi ra dài năm thước, khi tu khổ hạnh thì dài một trượng bốn thước, đến khi thành Phật thì dài một trượng năm thước. Lông kia trong ngoài đều Không, như ngọc lưu ly trong suốt trong ngoài thanh tịnh. Từ sơ phát tâm, thời gian giữa tu hành hiện hành các tướng mạo, cho đến cuối nhập Niết-bàn, tất cả công đức đều hiện trong tướng lông đó. “Lông trắng giữa hai chân mày” là tiêu biểu trung đạo Thường. Lông kia mềm mại là tiêu biểu Lạc. Xoắn vào duỗi ra tự tại, là tiêu biểu

Ngã. Trắng là tiêu biểu Tịnh. Phóng hào quang phá sự tối tăm là tiêu biểu Trung đạo sinh trí tuệ. Hào quang chiếu sáng quốc độ này quốc độ khác, là tiêu biểu tự giác giác tha. Lại nữa, hàng Nhị thừa tuy thông đạt nhị đế mà không biết Trung đạo, như có hai lông mày mà không có lông trắng chính giữa. Biệt giáo tuy biết tam đế mà không thể biết trong lông trắng có đầy đủ tất cả pháp. Phải biết từ đầu đến cuối mọi sự trong pháp giới đều hiện trong tướng lông trắng, tức tiêu biểu ý Viên giáo. Lại nữa các kinh nêu rõ Phật phóng hào quang cũng không đồng. Đại Phẩm nói: Từ tướng bánh xe ngàn nan ở lòng bàn chân cho đến đánh nhục kế, mỗi mỗi đều phóng sáu vạn ức quang minh, như kia rộng nói, Đại kinh nói: Diện môn phóng quang. Kinh này nói: bạch hào phóng quang. Các kinh nói khác nhau là vì duyên thích nghi căn cơ không đồng. Lại, thấu hào quang vào cũng không đồng. Kinh Dục Vương nói: Thâu từ sau lưng vào là muốn nói việc quá khứ, thâu từ trước vào là muốn nói việc vị lai, mà không thấy muốn nói việc hiện tại. Theo ý riêng, thì nhập từ hai bên hông vào tức muốn nói việc hiện tại. Từ chân vào là muốn nói việc địa ngục, từ mắt cá chân vào là muốn nói việc súc sinh, từ chân vào là muốn nói việc ngạ quỷ, từ đầu gối vào là muốn nói việc của loài người, từ bàn tay trái vào là muốn nói việc Thiết luân vương, từ bàn tay phải vào là muốn nói việc Kim luân vương và chư thiên, từ rốn vào là muốn nói việc Thanh văn, từ miệng vào là muốn nói việc Duyên giác, từ nhục kế vào là muốn nói việc chư Phật. Kinh này nói phóng bạch hào quang mà chưa thấy nói thâu hào quang, chắc là văn lược thôi! Lại giải thích rằng: Phóng quang là muốn nói việc hiện tại, thâu quang là muốn nói việc tương lai. Kinh này chánh luận về chư Phật cõi này cõi kia đạo đồng nhau, cho nên chánh luận về phóng quang. Nếu hiểu đạo chư Phật đồng tức là khai thị ngộ nhập, thì nhậm vận tự nhiên thâu hoạch muốn nói thì phóng quang là chánh, thâu quang là phụ cho nên lược không thuyết. Như thân Phật cao một trượng sáu phóng quang, là nghĩa của Tam tạng. Nếu Phật tôn kính đặc thù cùng thân Phật một trượng sáu cùng phóng quang là nghĩa của Thông giáo. Nếu Phật tôn kính đặc thù riêng phóng quang, là nghĩa của Biệt giáo. Nếu thân Phật một trượng sáu tức pháp thân Tỳ-lô-giá-na phóng quang, là nghĩa của Viên giáo. Xưa nói cõi này hiện sáu điềm lành xong thì đến cõi trời Nị-tra. Nay tìm văn chỉ thấy “chiếu từ phương Đông một vạn tám ngàn cõi” trở xuống, là văn nêu sáu điềm lành ở cõi khác, đây là vì do người có thêm bớt đó thôi! Xưa lại nói thật sự chiếu mười phương: Chiếu Đông phương là tiêu biểu nhất thừa nhân quả là bậc thượng của các nhân quả. Số “Vạn” là

tròn đầy, tiêu biểu quả vị viên mãn. Số “Tám ngàn” là thiếu, tiêu biểu nhân quả chưa đủ. Nếu giải thích như vậy thì chiếu Đông phương đã đủ nghĩa, đâu cần chiếu chín phương còn lại? Nay nói rõ phương Đông là phương bắt đầu, tiêu biểu Thập trụ là địa vị ban đầu của Tích môn, thuyết pháp cho sinh thân Bồ-tát sáng suốt rõ ràng thấy được lý, nhập Thập trụ, khai mở tri kiến Phật. Nếu ban đầu thì có thể biết giữa và sau, cho nên nói không nơi nào là không cùng khắp. Nên biết các phương khác cũng như vậy, các vị cũng như vậy. Nếu căn cứ Bản môn thuyết pháp, thì chư Phật bốn phương vân tập, tiêu biểu Bản môn thuyết pháp khiến pháp thân Bồ-tát tăng đạo tổn sinh, tứ vị tăng trưởng. Quán tâm giải thích “một vạn tám ngàn”: căn cứ thập bát giới, luận về trăm pháp giới có ngàn tánh tướng, tức có một vạn tám ngàn, các cảnh giới đây Phật tuệ chưa khai mở, nay cần phải khai, cho nên dùng số để tiêu biểu đó thôi!

Văn kinh nói: “Từ ngục A tỳ lên đến trời Hữu đảnh” tức sáu pháp giới. Lại, “thấy chư Phật, Bồ-tát, Tỳ-kheo...”, mười cõi đầy đủ. Cho nên, văn nói “không nơi nào là không cùng khắp” tức ý đây vậy. Nếu phân chia văn thì thuộc cõi này là văn nói tướng lành thứ sáu. Nếu thuộc cõi khác, thì là văn nói tổng tướng chiếu cõi khác.

Tiếp đến, nêu hào quang chiếu phương khác thấy sáu điểm lành:

1. Thấy sáu đường.
2. Thấy chư Phật. Tức là trên thánh dưới phàm làm một cặp.
3. Nghe Phật thuyết pháp.
4. Thấy bốn chúng đặc đạo. Tức là Nhân và Pháp làm một cặp.
5. Thấy Bồ-tát tu hành các hạnh.

6. Thấy Phật nhập Niết-bàn. Tức là thủy chung một cặp. Đã có chúng sinh khả hóa tức có Phật năng hóa, có Phật tức có thuyết pháp, có thuyết pháp tức có đệ tử, có đệ tử tức có bắt đầu tu hành, có bắt đầu tu hành thì hẳn phải đến cuối cùng. Nếu sáu điểm lành cõi này là tổng báo chúng sinh sẽ thâm hoạch tự giác, thì sáu điểm lành ở cõi kia là tổng báo chúng sinh sẽ thâm hoạch giác tha. Lại, sáu điểm lành của cả cõi này cõi khác, là tiêu biểu đạo của chư Phật cõi này cõi khác thì đồng nhau. Từ: “Thấy hết cả chúng sinh trong sáu đường ở cõi kia”, cho đến: “hành Bồ-tát đạo”: là hiện việc cõi kia đã giống như cõi này. Từ: “Lại thấy chư Phật” cho đến: “tháp bảy báu”: là hiện việc cõi này sẽ giống cõi kia. Lược nói đã xong.

Lại rộng nói: “Lại thấy chúng sinh trong sáu đường” là đức Phật kia vì đời ngũ trước cho nên xuất hiện ở đời, đức Phật này cũng như

vậy. Tuy hai cõi mà ý xuất hiện ở đời giống. “Nghe chư Phật ấy thuyết kinh pháp”, là hiện cõi kia đức Phật bắt đầu thuyết từ một pháp vô tướng chẳng đốn mà đốn, cùng với cõi này Phật ban đầu thuyết kinh Hoa Nghiêm ý đồng. Từ: “Cùng thấy nơi các cõi kia các Tỳ-kheo” trở xuống, là hiện cõi Phật kia giáo chẳng tiệm mà tiệm, cùng với Đức Phật cõi này theo thứ tự thuyết Tam tạng giáo, thì ý giống nhau. Từ “Lại thấy các Bồ-tát” trở xuống, là cõi Phật kia sau khi thuyết Tam tạng thì thuyết các kinh Phương Đẳng, Bát-nhã v.v... cùng với đức Phật cõi này sau thuyết Tam tạng, ý đồng. Từ “Lại thấy các đức Phật” trở xuống cho đến: “xây tháp bảy báu” là hiện đức Phật kia sau thời Bát-nhã thì khai Quyền hiển Thật, thâm vô lượng pháp trở về nhập một pháp, xướng nhập Niết-bàn, thôi hóa độ, xây tháp. Hào quang chiếu đến cõi kia, từ đầu đến cuối rớt ráo rõ ràng trước mắt, phải biết cõi này cũng từ một xuất sinh vô lượng, chẳng đốn mà đốn, chẳng tiệm mà tiệm, việc kia đã xong, ắt phải thâm tóm vô lượng pháp trở về nhập một pháp, khai quyền hiển thật, thôi hóa qui về chân, cùng cõi kia đồng.

Lại “Các thứ nhân duyên”: Xưa khéo làm nhân, nay giáo làm duyên. Lại riêng thuyết chính là sau thời Tam tạng thì nói rõ Cộng, bất cộng Bát-nhã làm nhân, trợ đạo giới định tuệ... làm duyên. Căn cứ vào Tam nhân (Ba hạng người) tức các thứ nhân duyên, các thứ tướng mạo. Lại, chính các hạng người Cộng và Bất cộng, là “các thứ nhân duyên, các thứ tướng mạo”. Cộng và Bất cộng mỗi thứ có bốn môn, mỗi một môn lại có vô lượng tướng mạo. Năm trăm Tỳ-kheo đều nói nhân của thân, tức nghĩa kia vậy. Bốn môn của Bất cộng cũng như vậy. Cho nên, biết rằng nhân duyên tướng mạo chủng biệt vô lượng thì đều là cõi kia đồng với cõi này. Kia nêu tướng đó nhân duyên tướng mạo trở lại nhập một nhân một duyên một tướng một mạo, phải biết cõi này cũng đồng với cõi kia.

Từ “Lúc bấy giờ Bồ-tát Di-lặc nghĩ rằng” đến hết câu: “nay sẽ hỏi ai?”, là Tựa niệm nghi. Văn chia làm hai:

1. Di lặc niệm nghi.
  2. Đại chúng niệm nghi.
- Di-lặc có ba niệm:
1. Chánh nghĩ sáu điềm lành.
  2. Nghĩ hỏi ai.
  3. Nghĩ đến Văn-thù.

Nghĩ đến Văn-thù tức đã bỏ cái suy nghĩ thứ hai, chỉ có niệm ban đầu là còn, tức chỉ thành một mối nghi. “Thần biến”: Thần bên

trong, biến bên ngoài. “Thần” gọi là thiên tâm tức là trí tuệ thiên nhiên bên trong, “biến” gọi là biến động, tức là hiện sáu điềm lành bên ngoài. Kinh Thủ Lăng-Nghiêm nói: “Phật trú pháp bất nhị năng hiện thần thông, đấng pháp vương pháp lực cao siêu vượt hơn tất cả”. Di-lặc không lường được sự biến hóa bên ngoài, cũng không biết trí tuệ bên trong, cho nên khởi niệm đến việc này. Như người bình thường không biết thuật, người tán loạn không biết định, người phàm phu không biết Thánh, bậc tiểu Thánh không biết Thân-tử, Thân-tử không biết Bồ-tát, Bồ-tát không biết Bồ-xứ, Bồ-xứ không biết bậc Tối tôn cùng cực. Đây là cực xứ (nơi chốn cùng tột), cho nên Di-lặc cũng không biết. Lại nữa, Di-lặc đã từng gặp Phật, gieo trồng thiện căn đã nhiều thì sao lại không biết được? Cần phải ẩn sáng hiện tối, cho nên quyền nói “không biết”. Đại chúng có hai niệm:

1. Chánh niệm sáu điềm lành.
2. Niệm hỏi ai.

Nếu xem kệ bên dưới thì đại chúng cũng có ba niệm, Kệ nói: “Bốn chúng đều mong ngóng, nhìn ngài và nhìn tôi”. Không có niệm thứ ba thì làm sao mong ngóng nhìn Ngài (Văn Thù)?, mà trong phần văn trường hàng thì không có Ngài, tức muốn suy tìm Bồ-xứ ở trước vậy. Xưa giải thích ở trước có ba ý:

1. Bồ xứ.
2. Có ba niệm.
3. Năng phát khởi câu hỏi, là nghĩa đây, nên đại chúng thiếu một niệm.

Hỏi: Về đức vị thì Văn-thù và Di-lặc đều là bậc Á thánh, sao có một người hỏi một người đáp?

Đáp: Xét về cơ duyên có hay không, tuy địa vị ngang đồng nhưng khách chủ thích nghi có khác, Thánh nhân thể theo cơ duyên, không phải là người hỏi thì không có khả năng trả lời. Lại pháp môn thì có Quyền có Thật. Quyền, Bồ xứ cần phải hỏi, Thật, cần phải đáp lại. Tích có xa có gần, gần hỏi xa đáp. Lại, danh thì có tiện có dễ. Di-lặc gọi là Từ, từ vì chúng sinh nên hỏi, Văn-thù gọi là Diệu Đức, đức cần phải đáp. Đây tức là bốn loại hiểu ý văn kinh.

